TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1068/2023/DS-ST
Ngày: 16 - 06 - 2023
V/v tranh chấp: hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phầnHội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kha
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Ông Trần Văn Phủ

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trương Thị Thương – Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 606/2014/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2014 về việc "tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S
Địa chỉ trụ sở: lầu 8, 266 – 268 đường A, phường B, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lã Ngọc M, địa chỉ 11/5/15 khu phố 2A phường Đông Hưng Thuận quận 12 thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo theo Giấy ủy quyền số 127/2021/UQ-TTT ngày 10/03/2021).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn T
Địa chỉ: 21B đường X, phường Y, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và bị đơn ông Nguyễn Tuấn T có ký Hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/12/2010 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), dựa trên hợp đồng ký kết và điều kiện thu nhập của ông T, Ngân hàng TMCP S đã cấp cho ông Nguyễn Tuấn T thẻ tín dụng với hạn mực sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Đến ngày 16/04/2013 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông T sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/06/2023 thì ông T còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là 60.356.291 đồng (gồm tiền nợ gốc là 12.089.147 đồng và tiền lãi quá hạn là 48.267.144 đồng).

Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Tuấn T thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 16/06/2023 là 60.356.291 đồng, gồm tiền nợ gốc là 12.089.147 đồng và tiền lãi quá hạn là 48.267.144 đồng, yêu cầu thanh toán làm một lần ngay khi bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Tuấn T trả tiền lãi phát sinh từ ngày 17/06/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Bị đơn là ông Nguyễn Tuấn T không có ý kiến trình bày vì không đến Tòa theo các lần triệu tập của Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không gửi văn bản nêu ý kiến và các chứng cứ tài liệu kèm theo.

Ngày 15/06/2023, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu như trình bày nêu trên, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Bị đơn Nguyễn Tuấn T đến phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến (theo Phát biểu số 133/PB-DS ngày 16/06/2023):

- về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và trong việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:***

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn Nguyễn Tuấn T cư trú tại quận Bình Thạnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục:

Ngày 15/06/2023 người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy Đơn đề nghị xét xử vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa của nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố

tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, bị đơn Nguyễn Tuấn T đã được Toà án nhiều lần thông báo, triệu tập đến Toà để giải quyết vụ án. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến phiên tòa lần hai ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định đương sư có nghĩa vụ chứng minh, nhưng bị đơn không đến tòa, cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ nên Tòa án căn cứ những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc để giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tuấn T thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 16/06/2023 là 60.356.291 đồng (sáu mươi triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm chín mươi mốt đồng), gồm tiền nợ gốc là 12.089.147 đồng và tiền lãi quá hạn là 48.267.144 đồng, làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; và yêu cầu ông Nguyễn Tuấn T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 17/06/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/12/2010 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Tuấn T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có chủ thể, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

- Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/12/2010, các bản tóm tắt sao kê và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng bị đơn đã giao dịch tổng số tiền là 33.201.622 đồng; bị đơn đã thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền là 31.230.000 đồng, từ tháng 12/2012 bị đơn không T toán dư nợ thẻ, ngày 16/04/2013 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của bị đơn sang nợ quá hạn, tính đến ngày 16/06/2023 bị đơn còn nợ số tiền tổng cộng là 60.356.291 đồng, gồm tiền nợ gốc là 12.089.147 đồng và tiền lãi quá hạn là 48.267.144 đồng.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn Nguyễn Tuấn T lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhưng đến lần thứ hai mở phiên tòa ông T vẫn không có mặt, không có ý kiến phản hồi, cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Việc này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm, xem thường pháp luật, đồng thời bị đơn đã tự từ bỏ quyền trình bày nhằm bảo vệ quyền lợi của mình tại tòa. Đồng thời, Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc nguyên đơn thông báo chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ của bị đơn sang nợ quá hạn và khởi kiện đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, việc bị đơn Nguyễn Tuấn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình là vi phạm thỏa thuận các bên đã ký kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc ông Nguyễn Tuấn T phải thanh toán số tiền còn nợ

tính đến ngày 16/06/2023 tổng cộng là 60.356.291 đồng, gồm tiền nợ gốc là 12.089.147 đồng và tiền lãi quá hạn là 48.267.144 đồng, là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 của Bộ Luật dân sự năm 2005, Điều 468, Điều 470, Điều 688 của Bộ Luật dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 17/06/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là phù hợp theo Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Do nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nếu tiếp tục kéo dài thời gian trả nợ sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ bao gồm gốc và lãi nêu trên cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Tuấn T phải chịu tiền án phí 3.017.815 đồng (ba triệu không trăm mười bảy ngàn tám trăm mười lăm đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 của Bộ Luật dân sự năm 2005 và Điều 468, Điều 470, Điều 688 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm /2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Tuấn T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là 60.356.291 đồng (sáu mươi triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm chín mươi mốt đồng), bao gồm tiền nợ gốc là 12.089.147 đồng và tiền lãi quá hạn là 48.267.144 đồng, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Tuấn T tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng TMCP S tính từ ngày 17/06/2023 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/12/2010 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Tuấn T phải chịu án phí là 3.017.815 đồng (ba triệu không trăm mười bảy ngàn tám trăm mười lăm đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 475.400 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/03993 ngày 03/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 12 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THA Dân sự Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Trần Tuấn Kha